

Số: 23/2021/QĐST-HNGĐ

Hương Thủy, ngày 09 tháng 4 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 34/ 2021/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2021, giữa:

Nguyên đơn: Chị Võ Thị C, sinh năm 1983; Địa chỉ: Kiệt 49 đường NVC, Tổ 05, phường TP, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1981; Địa chỉ: Kiệt 49 đường NVC, Tổ 05, phường TP, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải T ngày 01 tháng 4 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải T ngày 01 tháng 4 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải T, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Võ Thị C và anh Nguyễn Văn T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung và việc nuôi con: Chị Võ Thị C và anh Nguyễn Văn T có 02 người con chung tên là Nguyễn Thị L, sinh ngày 05/6/2004 và Nguyễn Văn P, sinh ngày 27/4/2007. Chị C và anh T thoả thuận: Giao 02 người con chung là cháu Nguyễn Thị L, sinh ngày 05/6/2004 và cháu Nguyễn Văn P, sinh ngày 27/4/2007 cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi T niên (Đủ 18 tuổi) và chị C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 01 tháng là 2.000.000 đồng (01 cháu/1.000.000 đồng/01 tháng) kể từ ngày Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con T niên (Đủ 18 tuổi).

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật (Đối các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra Quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu

cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2.2. Về tài sản chung: Chị Võ Thị C và anh Nguyễn Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Nghĩa vụ về tài sản chung: Chị Võ Thị C và anh Nguyễn Văn T không yêu cầu Tòa án không giải quyết.

2.4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Võ Thị C và anh Nguyễn Văn T thỏa thuận, chị Võ Thị C chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0001304 ngày 16/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hương Thủy. Chị Võ Thị C đã nộp đủ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Nơi nhận:

- VKSNDTX Hương Thủy;
- Chi cục THADSTX Hương Thủy;
- UBND xã Thủy Tân, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế ;
- (Đăng ký kết hôn số 56 ngày 02/8/2005)
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.
- Lưu dân.

THẨM PHÁN

Lê Thị Quý Vân